

ẨN DỤ Ý NIỆM THỜI GIAN TRONG THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI<sup>1</sup>ĐOÀN TIỀN LỰC<sup>2</sup>

**Abstract:** This study investigates the system of conceptual metaphors of time in contemporary Vietnamese poetry from a cognitive linguistic perspective, with the aim of identifying source domains, target domains, mapping patterns, and aesthetic features associated with the poetics of the era. The corpus consists of fourteen poetry collections by representative contemporary authors, analyzed qualitatively within the framework of conceptual metaphor theory (Lakoff & Johnson, 1980) in combination with statistical and classificatory methods. The findings reveal twelve conceptual metaphors comprising a total of eighty-nine mappings, encompassing both universal source domains (HUMAN, SPACE, OBJECT, etc.) and culturally specific ones (POISON, DIRT, etc.). Notably, “mapping indeterminacy” emerges as a salient aesthetic strategy, reflecting a poetics of fragmentation, existential sensibility, and surrealist inspiration, while simultaneously opening a “space of free association” for readers. The research contributes to clarifying the characteristics of contemporary Vietnamese poetic thought and provides supplementary data for the study of conceptual metaphors in artistic language.

**Keywords:** *conceptual metaphor, source domain, target domain, mapping, contemporary Vietnamese poetry*

### 1. Mở đầu

Ngôn ngữ học tri nhận (cognitive linguistics) là khuynh hướng nghiên cứu tiếp cận ngôn ngữ dựa trên kinh nghiệm của con người về thế giới và cách thức con người tri giác, ý niệm hoá thế giới với đơn vị trọng tâm là ý niệm. Theo Lakoff và Johnson (1980/2022), “hệ thống ý niệm thông thường của chúng ta, thông qua đó chúng ta tư duy và hành động, về cơ bản là có tính ẩn dụ” [5, tr.23]. Vậy nên, cùng với ý niệm, ẩn dụ ý niệm là một trong những vấn đề lí thuyết chính của ngôn ngữ học tri nhận. Từ góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ được xem là biểu hiện của các cấu trúc tri thức nền tảng, giúp khái quát hoá những trải nghiệm cụ thể thành tư duy trừu tượng, phản ánh cách thức con người xử lí thông tin, hình thành khái niệm và kiến tạo tri thức thông qua ngôn ngữ dựa trên trải nghiệm cảm quan và văn hoá xã hội.

Trong thơ Việt Nam đương đại, sự chuyên dịch và biến đổi của ngôn ngữ nghệ thuật cho thấy sự đa dạng và phức tạp trong cách nhà thơ dùng hình ảnh ẩn dụ để thể hiện cảm xúc, quan niệm sống và phản ánh các vấn đề xã hội. Việc khai thác ẩn dụ ý niệm trong thơ sẽ không chỉ cho thấy sự sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ của tác giả mà còn mở ra góc nhìn mới về tư duy văn hoá trong bối cảnh hiện đại. Mặc dù đã có một số nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm trong thơ Việt Nam như [1], [6], [7], [10],... song vẫn còn nhiều khoảng trống học thuật liên quan đến đặc trưng tư duy, cách thức biểu hiện và giá trị nghệ thuật của chúng trong thơ Việt Nam, đặc biệt là thơ Việt Nam đương đại.

Thời gian không phải là một thực thể vật chất có thể cảm nhận trực tiếp bằng giác quan. Nó biểu hiện và được tri nhận qua sự kết hợp giữa các hiện tượng chuyển động trong thế giới vật lí và cách con người khái niệm hoá chuyển động đó trong tư duy - ngôn ngữ. Nói cách khác, thời gian vừa là hiện tượng tự nhiên vừa là cấu trúc tư duy xã hội, giúp con người định vị mình trong dòng chảy vĩnh cửu của vũ trụ. Trong thơ ca, thời gian không chỉ được phản ánh như một khái niệm vật lí tuyến tính mà còn là biểu tượng của kí ức, sự đổi thay, cái chết,... Trong dòng chảy của thơ Việt Nam đương đại, các nhà thơ đã thể hiện thời gian qua lăng kính ngôn ngữ giàu hình tượng và chiều sâu tri nhận qua một trong những cơ chế nổi bật là ẩn dụ.

Nghiên cứu ẩn dụ ý niệm thời gian trong một số tập thơ đã đoạt Giải thưởng Thơ của Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 2010 đến nay (được xem là đại diện tiêu biểu cho các thành tựu nghệ thuật và

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của đề tài Nghiên cứu KH&CN cấp trường: *Đặc điểm ngôn ngữ thơ Việt Nam đương đại (qua một số tập thơ xuất bản từ năm 2010 đến năm 2024)*. Đơn vị chủ trì: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

<sup>2</sup> Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Email: lucdt@hnue.edu.vn

khuyh hướng tư duy nổi bật trong thơ ca đương đại), chúng tôi hướng đến mục tiêu phân tích và hệ thống hoá các ẩn dụ ý niệm thời gian trong thơ Việt Nam đương đại, qua đó làm rõ cơ chế tri nhận thời gian trong ngôn ngữ nghệ thuật, ý nghĩa nghệ thuật của ẩn dụ này trong việc kiến tạo hình tượng, cảm xúc, thông điệp, dấu ấn nghệ thuật của thơ ca Việt Nam đương đại, góp phần lí giải thơ như một hệ thống biểu đạt mang tính khái niệm và văn hoá sâu sắc.

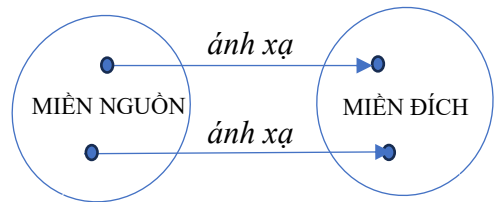
**2. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu**

**2.1. Cơ sở lí luận**

Nghiên cứu này dựa trên nền tảng lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận, một hướng tiếp cận ngôn ngữ nhấn mạnh vào mối liên hệ giữa ngôn ngữ, tư duy, trải nghiệm của con người biểu hiện trong các cấu trúc ý niệm và cơ chế tri nhận. Trong đó:

- **Ý niệm** (concept) được hiểu là một đơn vị cơ bản của tư duy, được hình thành từ trải nghiệm cảm giác, vận động, không gian vật lí và môi trường xã hội của người sử dụng ngôn ngữ nên phản ánh cách con người nhận thức, trải nghiệm và tổ chức tri thức về thế giới thông qua ngôn ngữ. Mỗi ý niệm là một miền (cấu trúc) ngữ nghĩa có thể là trừu tượng, có thể là cụ thể, có thể mang tính chung cho nhân loại (tính phổ quát), hoặc mang nét riêng của từng dân tộc, nền văn hoá, thậm chí từng cá nhân (tính đặc thù). Theo Lakoff và Johnson (1980/2022), “các ý niệm cấu trúc cái chúng ta lĩnh hội được, cách ta khám phá thế giới, và cách thức chúng ta liên hệ với những cá nhân khác. Do đó, hệ thống ý niệm đóng một vai trò trung tâm trong việc xác định những thực tại thường ngày của chúng ta” [5, tr.23].

- **Ẩn dụ ý niệm** (conceptual metaphor), được Lakoff và Johnson đề xuất từ năm 1980, là quá trình chuyển di (transfer) hay ánh xạ (mapping) có hệ thống giữa **miền nguồn** (source domain) - nguồn tri thức quen thuộc, cụ thể và **miền đích** (target domain) - điểm đến của phép ánh xạ, chứa ý niệm cần hiểu, thường mang tính trừu tượng, phức tạp, khó cảm nhận trực tiếp).



Hình 1. Đồ hình ẩn dụ ý niệm

- **Ánh xạ** (mapping) là một hệ thống cố định của các tương ứng giữa các yếu tố hợp thành miền nguồn và miền đích: “một/ một số phương diện (aspect) của miền ý niệm Nguồn được “làm nổi bật” (highlighting) - tức là được sử dụng và được kích hoạt để ta hiểu miền ý niệm Đích và những phương diện còn lại thì bị “che giấu” (hiding) đi” [9, tr.147]. Như vậy, cơ sở của ánh xạ là tập hợp những điểm/ thực thể tương ứng giữa hai miền ý niệm nguồn và đích. Khi các điểm/ thực thể tương ứng đó được kích hoạt, các ánh xạ có thể phóng chiếu mô hình suy luận miền nguồn lên mô hình suy luận miền đích. Tất nhiên, các ánh xạ không phải bất kì mà dựa trên trải nghiệm hàng ngày (nghiệm thân) và tri thức, nghĩa là có tính có lí do - có thể giải thích được. Do đó, hiểu được một ẩn dụ ý niệm cũng có nghĩa là hiểu được hệ thống sơ đồ ánh xạ của một cặp miền nguồn - đích.

- **Nghiệm thân** (embodiment) là sự trải nghiệm cơ thể của con người trong sự tương tác với môi trường sống và thông qua đó con người xây dựng nên các ý niệm, hình thành những mô hình tri nhận để nhận thức thế giới. Kövecsec nhấn mạnh: “Các ẩn dụ ý niệm được đặt nền tảng trên trải nghiệm cơ thể. Chính bản chất nghiệm thân này lí giải vì sao chúng có tính phổ quát trong các ngôn ngữ và nền văn hoá khác nhau.” [5, tr.169]. Theo quan điểm của tri nhận luận, trải nghiệm của con người với thế giới xung quanh hình thành ý niệm và chi phối đến phương thức con người hiểu biết thế giới. Nói cách khác, tri nhận của con người phải được hiểu qua tính nghiệm thân.

Tóm lại, ngôn ngữ học tri nhận xem ngôn ngữ không chỉ là hệ thống kí hiệu cấu trúc mà là phản ánh trực tiếp của tư duy và kinh nghiệm sống của con người. Trong khuôn khổ này, ẩn dụ (và hoán dụ ý niệm) được xác định là cơ chế nhận thức quan trọng, giúp con người hiểu và biểu đạt những khái niệm trừu tượng thông qua những trải nghiệm cụ thể hơn, có tính hình ảnh và dễ tiếp cận hơn về mặt nhận thức.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được dùng là phương pháp miêu tả ngôn ngữ học. Đây là phương pháp được dùng để thực hiện việc miêu tả các cấu trúc ý niệm của miền nguồn, miền đích và các ánh xạ. Cụ thể, phương pháp được thực hiện qua các bước: nhận diện (đọc ngữ liệu, dựa vào khung lí thuyết ẩn dụ ý niệm, nhận diện các biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ ý niệm) - Hiểu và miêu tả các miền ý niệm (miền nguồn, miền đích) và ánh xạ miền nguồn - miền đích - Giải thích (làm rõ mạch lạc văn hoá của ẩn dụ tri nhận).

Cùng với phương pháp nghiên cứu miêu tả ngôn ngữ học, một số thủ pháp nghiên cứu cũng được sử dụng gồm: thủ pháp thống kê và thủ pháp phân tích định lượng (khảo sát và tính đếm số lượng, tần suất xuất hiện của các biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ ý niệm, các ánh xạ), thủ pháp phân loại (xác lập tiêu chí và phân loại các ẩn dụ ý niệm thời gian trong thơ Việt Nam đương đại), thủ pháp phân tích ánh xạ (được dùng để phân tích, xác lập các ánh xạ giữa miền nguồn và miền đích của ẩn dụ ý niệm thời gian để nhận diện các loại/ mô hình ẩn dụ biểu hiện ý niệm thời gian (THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI, THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ, THỜI GIAN LÀ THỰC VẬT,...)).

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Kết quả khảo sát

Nghiên cứu ẩn dụ ý niệm không thể không bắt đầu từ việc tiếp cận ẩn dụ ngôn từ (linguistic metaphors) bởi ẩn dụ ngôn từ là những biểu thức ngôn ngữ biểu thị ẩn dụ ý niệm. Và để có cơ sở ngữ liệu nghiên cứu, phân tích các ẩn dụ ý niệm thời gian trong thơ Việt Nam đương đại, chúng tôi đã thực hiện việc khảo sát và thống kê các biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ ý niệm thời gian trong 14 tập thơ thuộc phạm vi khảo sát ngữ liệu. Kết quả, số lượng (tổng các lần xuất hiện) các biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ ý niệm thời gian trong các tập thơ được khảo sát là 596.

Căn cứ vào việc nhận diện miền nguồn, miền đích và ánh xạ, 596 biểu thức ngôn ngữ chứa các ẩn dụ ý niệm thời gian được xác định gồm: THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI, THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ, THỜI GIAN LÀ KHÔNG GIAN, THỜI GIAN LÀ CHẤT LỎNG - DÒNG CHẢY, THỜI GIAN LÀ THỰC VẬT, THỜI GIAN LÀ ĐỘNG VẬT, THỜI GIAN LÀ TÀI SẢN, THỜI GIAN LÀ THỰC PHẨM, THỜI GIAN LÀ LỬA, THỜI GIAN LÀ CHẤT BẮN, THỜI GIAN LÀ CHẤT ĐỘC, THỜI GIAN LÀ CON SỐ. Có những ẩn dụ ý niệm thời gian xuất hiện nhiều lần qua các biểu thức ngôn ngữ như ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ KHÔNG GIAN (132 biểu thức ngôn ngữ), THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI (127 biểu thức ngôn ngữ), THỜI GIAN LÀ CHẤT LỎNG - DÒNG CHẢY (66 biểu thức ngôn ngữ). Nhưng cũng có những ẩn dụ ý niệm chỉ xuất hiện một lần qua 01 biểu thức ngôn ngữ chứa nó như THỜI GIAN LÀ CHẤT BẮN, THỜI GIAN LÀ CHẤT ĐỘC, THỜI GIAN LÀ CON SỐ. Những số liệu nhiều hay ít này đều có ý nghĩa quan trọng: nhiều phản ánh sự phong phú, toàn diện, ít phản ánh sự cá biệt, độc đáo.

### 3.2. Các loại ẩn dụ ý niệm thời gian trong thơ Việt Nam đương đại

#### 3.2.1. Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI

CON NGƯỜI là sinh vật bậc cao, có cơ thể vật chất, ý thức và đời sống xã hội - văn hoá. Trong tri nhận, con người được nhận diện qua đặc tính sinh học (sinh trưởng, vận động, cảm nhận, sinh sản, lão hoá, chết), đặc tính tâm lí (cảm xúc, ý chí, nhận thức) và đặc tính xã hội (ngôn ngữ, quan hệ, vai trò, chuẩn mực). Con người vừa là cá thể độc lập vừa là thành viên của cộng đồng, có khả năng sáng tạo, lao động và thay đổi môi trường sống. THỜI GIAN là diễn tiến trừu tượng, không có hình dạng hay cảm xúc trong thực tế; dùng để chỉ trình tự và độ dài của các sự kiện; được con người tri nhận qua sự thay đổi và vận động của thế giới. Trong trải nghiệm thường nhật, thời gian có thể được đo đếm (giây, phút, giờ, ngày...), chia thành các đơn vị (quá khứ, hiện tại, tương lai), và gắn với chu kì tự nhiên (ngày - đêm, mùa vụ, tháng, năm...). Thời gian mang tính tuyến tính không đảo ngược, liên tục diễn tiến.

Trong thơ Việt Nam đương đại, những đặc tính của con người (biết chào hỏi, đi lại, rủ rê, ngủ, khóc, công, vấp ngã, vượt ve, sinh nở,...) được ánh xạ sang thời gian, biến thời gian thành một nhân vật sống động, có quan hệ tương tác với con người và thiên nhiên. Các ánh xạ cụ thể là con người có

diện mạo, hình thể thời gian cũng vậy: *mắt thu đen láy/ có một gã lén vào* (Trần Lê Khánh), *Thu chưa in dấu chân thêm/ Hạ còn leo lét mãi bên kia bờ* (Nguyễn Phúc Lộc Thành), *hoàng hôn / là mái tóc dài/ của mùa hạ/ nàng chỉ chải đến vai* (Trần Lê Khánh); hoạt động có ý thức của con người ảnh xạ tới vận động của thời gian: *Lay gọi anh bằng câu quen thuộc/ Ngày đến rồi!* (Mai Văn Phan), *Ban mai lay sen thức* (Nguyễn Bảo Chân), *Tháng ba dắt con mưa về* (Trần Kim Hoa), *thời gian ném phao cho từng số phận* (Trần Quang Đạo); như một chủ thể văn hoá có ý thức, thời gian được hình dung như người giao tiếp, tương tác, hiện diện trong đời sống sinh hoạt: *Tháng Giêng đưa Tết một mình sang sông* (Nguyễn Tiến Thanh), *Nghe thời gian đi guốc gỗ qua đời* (Nguyễn Tiến Thanh); trạng thái, tâm tư của con người ảnh xạ tới những cảm nhận trạng thái của thời gian: *Một ngày mới chào tôi bằng những mảnh vỡ* (Phạm Đương), *Em đi mắt hạ liu riu* (Nguyễn Phúc Lộc Thành), *Ai khóc mà mắt hạ cay* (Nguyễn Phúc Lộc Thành); phẩm chất, tính cách đặc trưng của con người ảnh xạ tới cảm nhận về trạng thái, vẻ đẹp của thời gian: *tháng mười hai dịu dàng và vội vã/ tôi cũng tự biết mình nhưng rồi lại quên/ tháng mười hai nhu mì như cúc họa mi/ ngoại thành về phố* (Trần Kim Hoa); con người có số phận, sinh - tử hữu hạn, thời gian cũng vậy: *Hoàng hôn trở dạ ven đường / sinh ra gã ngốc trần truồng tâm can* (Trần Lê Khánh); *Hạ hấp hối, thu non phơi xác* (Nguyễn Phúc Lộc Thành); *Chậm thôi nhé, chậm thôi, rồi cũng đến/ Tháng 9 qua đời, mây vẫn trôi...* (Nguyễn Tiến Thanh), *thời gian xuôi cánh tay tuyết lạnh* (Đào Quốc Minh),... Từ những ảnh xạ như vậy giữa miền nguồn CON NGƯỜI và miền đích THỜI GIAN, thời gian trong thơ Việt Nam hiện đại hiện lên có khi là một người bạn: *một ngày mới chào tôi bằng những mảnh vỡ* (Phạm Đương); có khi là một người tình: *ngày vẫn cài lên tóc/ sợi gió xanh mơ màng* (Trần Kim Hoa); có khi là một vị khách *vuơn hai cánh tay trần và ấm áp/ mà không thể nào níu lại khách mùa thu* (Đào Quốc Minh), *gã say rượu chiều ngã nghiêng say trên những hàng cây bụi* (Phạm Đương); có khi là người thợ nhuộm: *Chiều nhuộm vàng những chiếc lu Bàu Trúc* (Phạm Đương); và có khi lại là một vận động viên: *Biết có ai được may mắn đến gần/ Thời gian về đích* (Mai Văn Phan),...

Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI dựa trên trải nghiệm thân thể: chúng ta hiểu rõ thế giới con người hơn thế giới trừu tượng nên gán cho thời gian các thuộc tính người để nắm bắt và giao tiếp về nó. Có lẽ vậy, các biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI rất phong phú, biểu thị sự sinh động trong tri nhận về thời gian của các nhà thơ Việt Nam.

### 3.2.2. Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ

VẬT THỂ là bất kì thực thể hữu hình nào chiếm một vị trí xác định trong không gian, có hình dạng, kích thước và khối lượng nhất định. Trong tri nhận, vật thể được nhận biết qua các giác quan, đặc biệt là thị giác và xúc giác, với các thuộc tính như màu sắc, kết cấu, độ cứng - mềm, khả năng di chuyển hoặc bị di chuyển. Vật thể có thể tách biệt khỏi các vật thể khác, tồn tại độc lập hoặc nằm trong một tập hợp lớn hơn và có thể chịu tác động của lực, thay đổi vị trí, trạng thái. Nhờ đặc tính cụ thể, rõ ràng và giàu trải nghiệm cảm giác, “vật thể” trở thành miền nguồn cơ bản cho nhiều ẩn dụ ý niệm, giúp con người hình dung các khái niệm trừu tượng như thời gian, cảm xúc hay ý tưởng như những thứ có hình khối, giới hạn và khả năng tương tác.

Trong thơ Việt Nam đương đại, thời gian được tri nhận như một đối tượng vật chất tồn tại độc lập, có thể tác động vật lí lên nó hoặc để nó tác động lên con người và sự vật, qua đó, biểu đạt hình dung về các khái niệm trừu tượng của thời gian (ngày, tháng, mùa, năm)... Các ảnh xạ cụ thể là vật thể có thể di chuyển và thời gian cũng vậy (thời gian giống vật đang di chuyển ngang qua hoặc về phía người nói): *chiều nhẹ lướt qua sông* (Trần Kim Hoa); vật thể có thể chứa đựng thì thời gian là vật chứa những trải nghiệm, cảm xúc (thời gian như túi, hũ, giếng đựng nỗi buồn, kí ức): *em cất tháng chín ra khâu thành những túi nhỏ đựng sáu mùa thu* (Trần Lê Khánh); vật thể có thể phân mảnh, nhỏ lẻ, rơi vãi, đong đếm thì thời gian cũng vậy: *nhặt được ngày tôi không nàng* (Nguyễn Phúc Lộc Thành); *đánh rơi chuỗi hạt thời gian trong đáy giếng lợi danh* (Trần Kim Hoa); vật thể có thể bị hỏng, rách thì thời gian cũng có thể bị hư hại, rạn vỡ: *gió đông thổi rách chiều* (Trần Lê Khánh); vật thể có thể tái cấu

trúc hoặc sáng tạo lại thì thời gian cũng có thể sửa, vá lại: *em về sửa lại mùa đông* (Trần Lê Khánh); *và vết thương khuya* (Phạm Dương); vật thể có thể mang, vác và theo đó có thể bị đánh rơi thì thời gian cũng có thể vận chuyển, trôi tuột khỏi tay: *Con bò câu đã về / Mang cả buổi chiều / Kẹp trong đôi cánh* (Mai Văn Phan), *đánh rơi chuỗi hạt thời gian trong đáy giếng lợi danh* (Trần Kim Hoa); Vật thể có thể được mặc, khoác, thời gian như quần áo, có thể thay đổi theo ý muốn: *em khoác sơ sơ một sáng chủ nhật mới tinh* (Trần Lê Khánh); vật thể có thể bị chôn vùi, thời gian bị khuất lấp, cất giấu: *Ta chôn ngày cũ ở nơi tìm mình* (Nguyễn Tiến Thanh).

Nghiệm thân của ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ xuất phát từ kinh nghiệm cảm quan và thao tác trực tiếp của con người với thế giới vật chất. Trong đời sống, chúng ta thường xuyên nhìn thấy, cầm nắm, di chuyển, cất, khâu, phá vỡ, hay làm biến đổi các vật thể, đồng thời nhận biết hình dáng, kích thước, trọng lượng của chúng. Chính trải nghiệm thân thể này khiến con người dễ hình dung thời gian như những vật thể hữu hình, có thể chạm, nắm, chứa, chia tách, sửa chữa hoặc tiêu hủy. Việc ánh xạ từ vật thể sang thời gian vì thế phản ánh cách chúng ta gắn ý niệm trừu tượng với những kinh nghiệm cụ thể, mang tính cảm giác - vận động.

### 3.2.3. Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ KHÔNG GIAN

KHÔNG GIAN là miền trải rộng ba chiều nơi mọi vật và hiện tượng tồn tại, vận động và tương tác, được con người tri nhận qua các quan hệ vị trí như trong - ngoài, trên - dưới, gần - xa. Nó có thể hữu hạn hoặc vô hạn, mở rộng hay thu hẹp trong cảm giác, và gắn với hướng di chuyển, điểm xuất phát, đích đến. Con người có thể di chuyển trong không gian theo các tuyến đường khác nhau; có thể chia nhỏ thành các khu vực, đoạn, tầng, điểm giữa; có ranh giới và ngưỡng.

Trong thơ ca Việt Nam đương đại, ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ KHÔNG GIAN phản ánh xu hướng tự nhiên của tư duy con người khi hình dung về thời gian thông qua trải nghiệm vận động và định hướng trong không gian. Trong cách tri nhận này, các đơn vị thời gian được xem như những “khoảng không” có kích thước, ranh giới, vị trí, hoặc hướng di chuyển. Điều này cho phép người nói - người viết biểu đạt trạng thái, tính chất và sự biến chuyển của thời gian bằng những từ ngữ vốn dành để miêu tả không gian vật lí. Các ánh xạ cụ thể gồm đặc tính chiều kích rộng, hẹp, chặt, thênh thang của không gian ánh xạ tới cảm nhận về thời lượng (thời gian được xem như một vùng không gian có thể đo lường về bề ngang hoặc sức chứa; có thể “thênh thang” khi kéo dài, dư dả hoặc “chật hẹp” khi gấp gáp, thiếu thốn): *tháng ngày hoá thênh thang* (Trần Kim Hoa), *Mùa thu thì quá chật / Sao che nổi chân trời* (Nguyễn Tiến Thanh); tính chất theo tuyến, hướng di chuyển, có thể vượt qua của không gian ánh xạ tới hướng vận động, diễn tiến về tương lai qua các chặng, quãng của thời gian (các mốc thời gian được xem như các điểm hoặc đoạn trên một hành trình trong không gian; con người “đi qua” các giai đoạn thời gian như di chuyển qua các địa điểm): *nhà sư một bước qua xuân* (Trần Lê Khánh), *Cây cầu bắc qua tháng ngày* (Mai Văn Phan); không gian có thể chứa đựng, có thể bị chiếm lĩnh, cư trú, ẩn náu ánh xạ tới sự lưu giữ, chứa đựng kí ức, kỉ niệm của thời gian: *tại sao những cô gái / thích xô váy / chui vào mùa đông* (Trần Lê Khánh); *ngày mới / không chứa hết nỗi / ánh sáng bình minh* (Trần Lê Khánh); *Chuỗi âm thanh tràn dâng ngày* (Mai Văn Phan), *Anh sung sướng mở ra / Gập ý nghĩ từng quên trong quá khứ* (Mai Văn Phan), *người đàn bà giấu xa xăm / đằng sau cánh cửa quét rằm vào mai* (Trần Lê Khánh); không gian có ranh giới, chướng ngại và thời gian cũng vậy: *Đưa tay qua khe hẹp hoàng hôn* (Mai Văn Phan), *Người mang theo một trời sen / Đang vào ủa để mở then cửa mùa* (Nguyễn Phúc Lộc Thành).

Nghiệm thân của ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ KHÔNG GIAN xuất phát từ trải nghiệm cảm quan - vận động cơ bản của con người trong thế giới vật lí. Chúng ta luôn tồn tại và di chuyển trong không gian, đồng thời tri nhận các sự kiện theo một trật tự tuyến tính gắn với vị trí và hướng đi. Việc trải qua thời gian được hình dung giống như đi qua các điểm mốc trong không gian hoặc đưa các sự kiện, mùa vụ, ngày tháng “vào”, “ra” hay “qua” những miền không gian cụ thể. Nhờ vậy, các khái niệm trừu tượng về thời gian được định hình, định vị và dễ dàng thao tác thông qua các sơ đồ chuyển động, khoảng cách, hướng, và ranh giới trong không gian.

### 3.2.4. Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CHẤT LỎNG - DÒNG CHẢY

Trong trải nghiệm vật lí, chất lỏng có thể tồn tại ở nhiều dạng (nước, sông, suối, mưa...) và đặc trưng bởi khả năng chuyển động liên tục, thay đổi hình dạng theo không gian chứa, có thể cạn, đầy, loãng, khuấy và khó nắm bắt. Dòng chảy gợi cảm giác về sự trôi đi không thể đảo ngược, mang tính vô hình nhưng tác động rõ rệt đến môi trường mà nó chảy qua.

Trong thơ Việt Nam đương đại, thời gian được tri nhận như chất lỏng hay một dòng trôi liên tục, cuốn theo mọi sự kiện, cảm xúc và con người, không thể níu giữ hay quay ngược. Các ánh xạ cụ thể gồm sự vận động liên tục của dòng chảy ánh xạ tới sự trôi chảy không ngừng của thời gian (dòng nước trôi không dừng, cũng như thời gian luôn vận động từ quá khứ đến tương lai): *Tháng năm trôi như những cánh buồm không trở về bến cũ* (Trần Kim Hoa); *Bao thế kỉ trôi qua/ vẫn đầu đầu bên trời ước hẹn hồng nhan* (Trần Kim Hoa), *đã nghìn năm trôi qua* (Đào Quốc Minh); dòng chảy có thể nhanh, chậm, tùy cảm nhận cũng như thời gian trôi nhanh hoặc chậm theo trạng thái tâm lí (nước có lúc chảy xiết, lúc chậm rãi; thời gian cũng có thể bị cảm nhận “trôi nhanh” khi vui, “trôi chậm” khi buồn): *ban trưa trôi nhanh trên một cánh chuồn* (Trần Kim Hoa); dòng chảy bị khuấy, vẫn đục ánh xạ tới thời gian bị tác động, biến đổi trạng thái (nước khi bị khuấy sẽ mất sự trong trẻo; thời gian khi bị “khuấy” mang tính ẩn dụ cho biến động, hỗn loạn): *Ai khuấy hạ để trời ngẫu* (Nguyễn Phúc Lộc Thành), *Chân em ngày sớm khuấy ngẫu bình minh* (Nguyễn Phúc Lộc Thành); dòng chảy có thể cạn hoặc đầy ánh xạ tới thời gian có thể hết hoặc tràn đầy trong cảm nhận (dòng nước khi cạn kiệt để lộ khoảng trống; thời gian cạn kiệt gợi ý về sự mất mát, giới hạn của đời người hay mùa vụ): *Mùa sen đã cạn* (Nguyễn Phúc Lộc Thành), *đổ thêm một ngày khô kiệt nữa cho nhau* (Đỗ Doãn Phương); Dòng chảy cuốn trôi mọi vật cũng như thời gian cuốn đi kí ức, sự kiện, con người (dòng nước mang theo phù sa, vật thể; thời gian mang đi kỉ niệm, tuổi trẻ): *những thập niên trôi qua gió xoá đi rồi* (Trần Kim Hoa); dòng chảy có thể dẫn đến mất phương hướng cũng như thời gian trôi khiến con người lạc lối (dòng sông mệnh mông có thể làm mất dấu bờ; thời gian dài dằng dặc khiến con người mất phương hướng sông): *lạc bến bờ lạc dòng thế kỉ* (Đào Quốc Minh).

Con người trải nghiệm thời gian như trải nghiệm một dòng nước: ta sống “trong” dòng chảy ấy, bị cuốn đi dù muốn hay không, cảm nhận được sự thay đổi khi dòng chảy nhanh, chậm, trong, đục. Những trạng thái như *cạn, đầy, khuấy*, hay *lạc dòng* phản ánh trực tiếp kinh nghiệm vật lí của chúng ta với chất lỏng - dòng chảy.

### 3.2.5. Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ THỰC VẬT

THỰC VẬT có vòng đời từ nảy mầm, sinh trưởng, ra hoa, kết trái, úa tàn; có thể bị nhổ bỏ, rơi rụng; tồn tại theo mùa vụ; màu sắc, hương thơm thay đổi theo chu kì sống.

Trong thơ ca Việt Nam đương đại, thời gian được tri nhận như một cơ thể thực vật có đời sống hữu hạn, trải qua các giai đoạn sinh trưởng và tàn úa, có thể được gieo trồng, chăm bón, thu hoạch hoặc bị tàn phá. Các ánh xạ cụ thể gồm: sự nảy mầm, hé nụ của thực vật ánh xạ tới sự bắt đầu, khởi phát của thời gian (thời gian được ví như hạt giống, mầm non hoặc nụ hé mới xuất hiện, mở ra chu kì sống mới): *Mầm khuya nhú dưới tay mềm / Thu vượt mắt hạ. Trăng tằm mặt người* (Nguyễn Phúc Lộc Thành), *ta gọi nắng, cô ơi! / đây là lúc mùa xuân hé nụ* (Trần Quang Quý); sự úa tàn, rụng rơi của thực vật ánh xạ tới sự kết thúc hoặc mất mát của thời gian (thời gian trôi qua, nó giống như lá vàng rụng, hoa héo tàn - dấu hiệu của một chu kì sống đã khép lại): *Hôm qua mùa vẫn còn tươi / Mà nay sen đã mấy mươi úa tàn* (Nguyễn Phúc Lộc Thành), *Tuổi cũ vàng trong lá / Hoa niên rụng trên thêm* (Nguyễn Tiến Thanh); thuộc tính canh tác có thể can thiệp, thu hoạch hoặc nhổ bỏ cây trồng ánh xạ đến việc “tác động” vào thời gian như một người làm vườn tác động vào cây - nhổ bỏ, cắt tỉa, thu hoạch, tích trữ: *nhà sư / nhổ ngày / như nhổ cỏ* (Trần Lê Khánh), *ước gì em là chim nhỏ cánh ướt / ngày ngày nhặt từng hạt thời gian anh* (Trần Hùng); chu kì của mùa vụ ánh xạ tới chu kì của thời gian (thời gian mỗi năm lại “mọc” trở lại như một mùa vụ quen thuộc): *Mùa thế đó, cứ mỗi lần tháng Chạp / Mọc lên từ hốt hoảng mắt ai* (Nguyễn Tiến Thanh); sắc màu, hương vị của cây lá, hoa trái ánh xạ tới sắc màu,

hương vị của thời gian (mỗi giai đoạn của thời gian mang một sắc thái cảm xúc giống như từng giai đoạn phát triển của thực vật): *Cài lên da dẻ trùng trùng / Cho màu ngọc thể mở bùng đềm non* (Nguyễn Phúc Lộc Thành), *Rơi đi mấy cánh chực chờ / Thu non như thể khóc hờ hạ phai* (Nguyễn Phúc Lộc Thành).

Ấn dụ THỜI GIAN LÀ THỰC VẬT phản ánh trải nghiệm sống động và trực tiếp của con người với thiên nhiên. Trong văn hoá và văn minh nông nghiệp Việt Nam, thời gian luôn gắn với chu kỳ gieo trồng và mùa vụ, khiến việc hình dung nó như một quá trình sinh trưởng - tàn úa của thực vật trở nên gần gũi. Người sáng tạo thơ ca đã tận dụng vốn trải nghiệm này để biến thời gian trừu tượng thành hình ảnh cụ thể, cảm xúc và hữu hình, cho phép người đọc “cảm” thời gian qua sắc, hương và nhịp sống của cây cỏ.

### 3.2.6. Ấn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ ĐỘNG VẬT

ĐỘNG VẬT là những sinh thể có khả năng vận động (bò, trườn, bay, bơi, chạy, phi...), cảm nhận và phản ứng với môi trường, tồn tại nhờ tiêu thụ chất hữu cơ. Chúng có những đặc tính sinh học của sinh thể như sinh sản, phát triển, già yếu và có thể đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng. Động vật đa dạng về hình dáng, tập tính, tiếng kêu và có thể thuần hoá hoặc hoang dã, mang nhiều giá trị biểu tượng trong văn hoá. Trong tri nhận, động vật gắn với những phẩm chất cụ thể như sức mạnh, nhanh nhẹn, hung dữ hay hiền lành, đáng yêu,...

Trong thơ ca Việt Nam đương đại, thời gian được hình dung như một sinh thể sống động, có chu kỳ tồn tại hữu hạn, biết di chuyển, len lỏi, suy yếu, và có thể biến mất vĩnh viễn như động vật. Các ảnh xạ cụ thể gồm: nguy cơ có thể chết, tuyệt chủng của động vật ảnh xạ tới sự mất mát, kết thúc, sự hữu hạn của thời gian: *Cả mùa hạ ấy cũng đang chết dần* (Nguyễn Phúc Lộc Thành), *anh chậm chậm nhìn / phút giây tuyệt chủng* (Phạm Dương); khả năng vận động bò, trườn, di chuyển của động vật ảnh xạ tới sự chuyển dịch liên tục, đôi khi âm thầm, của thời gian: *Hoàng hôn leo lắt mà trườn sang đêm* (Nguyễn Phúc Lộc Thành); vận động vào đường cùng, bế tắc của động vật ảnh xạ tới sự tích tụ, lắng đọng và không thể đảo ngược của thời gian: *thời gian chui vào / những nếp nhăn / nhưng không ra lại được* (Trần Lê Khánh).

Có thể thấy các ảnh xạ trên đều bắt nguồn từ trải nghiệm trực tiếp của con người với động vật: quan sát chúng sinh ra, lớn lên, di chuyển, ẩn nấp, mắc bệnh, chết hoặc tuyệt chủng. Kinh nghiệm này được dùng để cụ thể hoá và cảm xúc hoá khái niệm trừu tượng thời gian, giúp người đọc cảm nhận được sự sống động nhưng hữu hạn, mong manh của nó.

### 3.2.7. Ấn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ TÀI SẢN

TÀI SẢN là mọi thứ có giá trị mà con người hoặc tổ chức sở hữu, bao gồm cả dạng hữu hình (nhà cửa, đất đai, tiền bạc...) và vô hình (tri thức, uy tín, thương hiệu...). Chúng có thể được sử dụng, trao đổi, lưu giữ hoặc sinh lợi, đồng thời cần được bảo vệ trước nguy cơ mất mát. Trong tri nhận, tài sản gắn liền với ý niệm về giá trị, quyền sở hữu và khả năng tích lũy.

Trong thơ ca Việt Nam đương đại, thời gian được tri nhận qua lăng kính của tài sản - một dạng giá trị hữu hạn, hữu hình, có thể sở hữu, sử dụng, mất đi, trao đổi, hay cất giữ... Các ảnh xạ ý niệm hình thành từ chính cách con người xử lý, định giá và sử dụng tài sản trong đời sống, bao gồm: Việc trải qua/ sử dụng một thời lượng cho một việc gì đó ảnh xạ từ việc chi tiêu tiền bạc, con người không chỉ “có” thời gian mà còn “xài” thời gian như một khoản tiền trong tay: *Anh tiêu nhẵn một ngày chủ nhật/ một ngày em/ đợi chậi phương chờ* (Trần Quang Quý); thời gian (tuổi trẻ) là tài sản, là khoản vốn có thể cầm cố hoặc đánh đổi (hi sinh thời gian sống) lấy thứ khác: *Đỏ hoa phượng, cháy ngang trời hạ lửa/ Quán ven đường ta ‘cắm’ tuổi thanh xuân* (Nguyễn Tiến Thanh); Tài sản có thể hao hụt, mất đi nên cần đo đếm, tiết kiệm và thời gian cũng vậy: *ngay cả bước chân ta/ cũng làm mất thời gian* (Trần Lê Khánh), *nhớ anh / đọng lại buổi chiều/ xem em hụt mắt / bao nhiêu hững hờ* (Trần Lê Khánh); tài sản có giá trị biến đổi và thời gian cũng vậy: *ngày tháng bây giờ/ rẻ hơn trước nhiều* (Trần Lê Khánh); tài sản có thể mua và thời gian cũng vậy, có thể mua để kéo dài sự tồn tại: *những chiếc lá vàng / mua thêm thời gian / cho mùa thu chết* (Trần Lê Khánh); tài sản quý giá cần cất giữ ảnh xạ sang ý niệm cất giữ kho báu thời gian: *người cất giữ kho báu thời gian* (Trần Lê Khánh); tài sản có thể dùng để đầu tư

và thời gian cũng thế, để đạt được trạng thái tinh thần hay kỹ năng, con người phải “tốn” thời gian như bỏ vốn đầu tư: *tốn rất nhiều thời gian học cách tĩnh tâm* (Trần Kim Hoa).

### 3.2.8. Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ THỰC PHẨM

THỰC PHẨM là mọi dạng vật chất dùng để ăn hoặc uống nhằm nuôi dưỡng và duy trì sự sống. Gồm hai loại chính: thực phẩm ăn (dạng rắn/đặc như ngũ cốc, rau quả, thịt, sữa...) có đặc tính phải nhai, giàu dưỡng chất và đa dạng hương vị; thực phẩm uống (dạng lỏng như nước, sữa, nước trái cây, đồ uống giải khát...) có đặc tính dễ hấp thụ, chủ yếu cung cấp nước và một số dưỡng chất, đồng thời có thể giải khát hoặc kích thích. Trong thơ Việt Nam hiện đại, các đặc tính bản thể hay dinh dưỡng của thực phẩm được ánh xạ sang thời gian với các biểu hiện cụ thể gồm: Thời gian là chất lỏng có thể rót, uống, pha: *Hồ đầy - ly, cốc thời gian/ Khởi lên đại tiệc giữa thành phố mây; Ta đem rượu dâng mùi men / Rót ngày xưa xuống công viên thuở nào* (Nguyễn Tiến Thanh), *Chủ cháu mình uống cạn bốn mươi năm* (Phạm Dương), *Những chiếc lá vàng / thức dậy sớm / pha bình minh / cho một ông lão* (Trần Lê Khánh); thời gian là món ăn có thể nhai, nuốt, tiêu hoá: *Chiếc đồng hồ treo tường / đang nhả thời gian ra / hay đang nhai ngấu nghiến* (Trần Lê Khánh); thời gian là thức ăn được mớm, đút cho để nuôi dưỡng: *Ông trời / nhỏ từng giọt ngày xuống / ta là chú chim non / há miệng chờ mớm* (Trần Lê Khánh); thời gian là món ăn được chế biến, ủ, làm thơm: *Mùa xuân / nàng ủ kĩ chiều / cho thơm buổi sáng* (Trần Lê Khánh).

### 3.2.9. Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ LỬA

LỬA là hiện tượng vật lý - hoá học có đặc tính là nguồn nhiệt mạnh, lan nhanh, phát sáng, tiêu hao nhiên liệu, có khả năng biến đổi trạng thái vật chất (làm chảy, làm cháy, phá hủy). Lửa mang lại các lợi ích cho sưởi ấm, nấu nướng, rèn luyện công cụ..., nhưng cũng mang lại nguy hiểm như thiêu rụi, hủy diệt, gây thương tích... Trong thơ Việt Nam hiện đại, các đặc tính vật lý, quá trình và tác động của lửa được ánh xạ sang thời gian. Sự trôi qua của thời gian được cảm nhận qua trải nghiệm thân thể với lửa: con người cảm nhận nhiệt, ánh sáng, sức nóng, sự hao mòn, từ đó gán cho thời gian các tính chất tương tự. Các ánh xạ cụ thể gồm: ánh (sáng) lửa leo lét ánh xạ đến thời gian (mùa hạ) sắp hết, mong manh và yếu ớt: *Thu chưa in dấu chân thêm/ Hạ còn leo lét mãi bên kia bờ* (Nguyễn Phúc Lộc Thành); đặc tính nhiệt hữu ích cho sự sống (biểu tượng cho sự hiện sinh sự sống) ánh xạ đến thời gian tuổi trẻ đầy năng lượng sống của con người: *Có thể ban mai trong tôi sắp tắt/ có thể dòng hồng cầu mảnh mai trong tôi sắp ngừng* (Trần Hùng); đặc tính có thể thấp lên của lửa và giữ cho lửa không tắt ánh xạ đến mong muốn khởi lên và duy trì thời gian: *và nắm thấp lên mùa xuân thật xa nơi ta cùng này mầm* (Trần Hùng), *Xin đừng chân trước chiều hôm/ Thấp hoàng hôn suốt một cơn say dài* (Nguyễn Tiến Thanh); tác động thiêu đốt của lửa ánh xạ tới thời gian mùa hè (bùng lên dữ dội, đốt cháy tâm hồn, gây đau đớn): *làm sao chịu nổi ngoài kia phượng rơi/ châm lên mùa hè xé lòng cát cát* (Trần Hùng).

### 3.2.10. Các ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CHẤT BẮN, THỜI GIAN LÀ CHẤT ĐỘC VÀ THỜI GIAN LÀ CON SỐ

#### Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CHẤT BẮN

CHẤT BẮN là vật chất gây vấy bẩn, làm mất vẻ nguyên sơ, có thể bám lên bề mặt, cần lau rửa để sạch. Trong thơ Việt Nam đương đại, sự trôi qua của thời gian được tri nhận giống như việc chất bẩn bám vào một bề mặt tinh khiết, làm giảm sự tươi mới, phá vỡ vẻ đẹp ban đầu: *Sớm ra ngò lau bóng mình/ Đêm đang sạch, sao bôi bình minh lên* (Nguyễn Phúc Lộc Thành). Thời gian (*bình minh*) được tri nhận như một tác nhân gây ô nhiễm (bị *bôi lên* đêm), làm mờ nhòe bản thể và sự tinh khôi. Bình minh, vốn là biểu tượng tích cực, bị đảo ngược thành thứ “bôi bẩn”, cho thấy cái nhìn phản tư về sự trôi chảy của thời gian.

Trong tư duy khái niệm, ta thường liên hệ những thay đổi tiêu cực (hao mòn, già đi, mất vẻ đẹp ban đầu) với sự bám bẩn. Ở đây, thời gian được đồng nhất với chất bẩn, đặc tính làm mờ nhòe bản thể và sự tinh khôi của thời gian bởi cả hai đều để lại “dấu vết” không mong muốn trên đối tượng. Ẩn dụ này dựa trên trải nghiệm thân thể (*embodied experience*): chúng ta cảm thấy cần lau, rửa, giữ sạch khi vật bị bẩn chuyển sang ý niệm về việc muốn giữ thời gian trong trạng thái tinh khiết.

### *Ân dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CHẤT ĐỘC*

CHẤT ĐỘC là một dạng vật chất có khả năng gây tổn hại, suy yếu hoặc hủy hoại cơ thể sống, thường tiềm ẩn nguy hiểm và khó nhận biết hoàn toàn. Trong kinh nghiệm sống, chất độc gắn liền với ý niệm về sự xâm nhập và lan truyền, có thể tác động tức thời hoặc âm ỉ lâu dài, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, thậm chí gây chết chóc. Nó mang giá trị cảm xúc tiêu cực, khơi gợi cảm giác sợ hãi, ghê sợ. Trong thơ Việt Nam đương đại, thời gian buổi tối không còn là thời điểm nghỉ ngơi mà trở thành một tác nhân độc hại, mang tính chất xâm nhập và phá hoại: *Buổi tối độc như rắn/ Làm xanh cây quanh rừng/ Buổi tối độc như kiến/ Đốt đen màu lá xanh* (Đỗ Doãn Phương). Cây và lá là biểu tượng của sự sống, bị thời gian làm biến đổi, cho thấy thời gian không chỉ trôi qua mà còn đầu độc sự sống. *Buổi tối*, một thời đoạn, được nhân hoá thành sinh vật độc, vừa trực tiếp vừa ngấm ngấm phá vỡ sự cân bằng tự nhiên. Sự biến đổi màu sắc (“làm xanh cây” và “đốt đen màu lá xanh”) gợi ý thời gian không chỉ hủy diệt mà còn tạo ra sự biến đổi bất thường, có thể đẹp nhưng tiềm ẩn nguy hiểm. Trải nghiệm thân thể cho thấy: chất độc gây ra tổn hại hoặc biến đổi không mong muốn, vì vậy nó là miền nguồn phù hợp để hình dung về tác động tiêu cực của thời gian: sự nhiễm độc của chất độc ánh xạ đến tác động tiêu cực của thời gian.

### *Ân dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CON SỐ*

CON SỐ là kí hiệu biểu thị số lượng, thứ tự hoặc vị trí của các đối tượng trong tư duy và giao tiếp, có các đặc tính định tượng, đặc tính phân loại (chẵn, lẻ), đặc tính hình thức hoặc quy ước (làm tròn, cách biểu diễn...). Trong tri giác của con người, con số gắn với tính chính xác, khách quan, khả năng đo lường,... Trong thơ Việt Nam đương đại, thời gian quá khứ được tri nhận như một giá trị số học, có thể được “làm tròn” - tức là đơn giản hoá, làm cho dễ chịu hơn, xoá đi những chi tiết phức tạp hoặc đau đớn: *Quá khứ của chúng ta cũng sẽ được làm tròn* (Đỗ Doãn Phương). Việc “làm tròn” gợi đến thao tác kĩ thuật hoá kí ức, như thể con người đang xử lí thời gian bằng tư duy toán học, phi cảm xúc. Ân dụ này phản ánh một cách tri nhận thời gian hiện đại: thời gian như dữ liệu, có thể được điều chỉnh, thao tác để phục vụ cho nhu cầu tinh thần hoặc xã hội.

Trong phạm vi khảo sát, nghiên cứu đã nhận diện 12 ân dụ ý niệm thời gian với tổng cộng 12 miền nguồn, 89 ánh xạ, phản ánh sự phong phú và đa dạng trong cách con người tri nhận thời gian. Trong số này, THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI chiếm nhiều nhất với 19 ánh xạ, tiếp đến là THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ và THỜI GIAN LÀ KHÔNG GIAN (mỗi loại 11 ánh xạ), cho thấy xu hướng nhân cách hoá và vật thể hoá thời gian trong thơ ca. Các ân dụ khác như THỜI GIAN LÀ CHẤT LỎNG / DÒNG CHẢY, THỰC VẬT, TÀI SẢN, THỰC PHẨM, ĐỘNG VẬT, LỬA cũng xuất hiện với số lượng đáng kể, minh hoạ cách thức thời gian được hình dung qua các đặc tính vật chất, sinh học và xã hội. Một số ánh xạ ít gặp hơn như CHẤT BẮN, CHẤT ĐỘC, CON SỐ nhấn mạnh những cách nhận thức đặc thù, hiếm gặp nhưng giàu tính biểu tượng. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy thời gian trong thơ Việt Nam đương đại được diễn đạt qua nhiều miền nguồn đa dạng, vừa gần gũi vừa giàu tính ẩn dụ, phản ánh khả năng trừu tượng hoá và nhân cách hoá của ngôn ngữ.

### **3.3. Ý nghĩa của ân dụ ý niệm thời gian trong thơ ca Việt Nam đương đại**

#### *3.3.1. Biểu đạt nhận thức phong phú, sinh động về thời gian*

Dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, sự hiện diện đồng thời 12 loại ân dụ ý niệm với 89 ánh xạ về thời gian phản ánh rằng thời gian trong thơ Việt Nam đương đại không bị ràng buộc vào một hình ảnh duy nhất mà là một hiện tượng được cảm nhận, tưởng tượng và tái tạo qua nhiều kênh giác quan, nhận thức và trải nghiệm văn hoá (thời gian là một trường trải nghiệm đa chiều); thời gian không chỉ là dấu hiệu của tính phong phú biểu tượng, mà còn cho thấy một kiến trúc khái niệm đa tâm (polycentric) của thời gian trong thơ Việt Nam đương đại. Kiến trúc này cho phép thời gian được kiến tạo như tác nhân, môi trường, chất liệu, tài sản, sinh thể và đồ vật, qua đó mở rộng biên độ miêu tả và nhận thức theo nhiều chiều kích đồng hiện. Dưới đây là một số đánh giá cụ thể về ý nghĩa của các ân dụ ý niệm thời gian đối với việc biểu đạt đặc trưng nhận thức và thi pháp thơ Việt Nam đương đại:

*Khử trừu tượng bằng mạng lưới hình ảnh thân thể - đời sống:*

Phần lớn miền nguồn đều có nền tảng trải nghiệm thân thể và sinh hoạt hằng ngày (con người, thực vật, động vật, thực phẩm, lửa, dòng chảy). Nhờ vậy, thời gian được “kéo xuống” khỏi tầng trừu tượng thuần lí để trở thành một thực thể giàu tính cảm giác và hành vi (biết chào, đi, ngủ, khóc, vượt ve, sinh nở...). Đây là cơ chế mô phỏng nhập thân (embodied simulation): người đọc hiểu thời gian bằng cách kích hoạt những kịch bản sinh tồn quen thuộc, từ đó giảm thời gian tư duy khi xử lí một miền đích vốn khó nắm bắt.

*Tổ chức tri nhận theo các sơ đồ hình ảnh nền tảng:*

Hệ thống ẩn dụ cho thấy sự nổi trội của các lược đồ hình ảnh: VẬT CHỨA/KHÔNG GIAN (thời gian là không gian, vật chứa; 11 ánh xạ): tạo điều kiện cho việc định vị, phân đoạn, “đi vào/ra”, xác lập ranh giới. ĐIỂM XUẤT PHÁT - LỘ TRÌNH - ĐÍCH/CHUYỂN ĐỘNG (thời gian là dòng chảy, chuyến tàu/bánh xe; 15 ánh xạ liên quan): mã hoá diễn tiến, nhịp độ, hướng đi. CHẤT THỂ/THỂ KHỐI (thời gian là chất lỏng, lửa, chất rắn/độc): biểu đạt cường độ, độ trong/đục, năng lượng, tác hại. Việc “đan cài” các sơ đồ này giúp thơ đương đại vừa phân đoạn (segment) vừa liên tục hoá (continuize) thời gian, tương ứng với những thao tác thể loại như vắt dòng, ngắt nhịp tự do, xếp chồng hình ảnh.

*Nhân hoá - định vị quyền lực của thời gian*

Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI có nhiều ánh xạ nhất (19/89 ≈ 21,3%), tạo một cực quy chiếu nhân học: thời gian không còn là phong nền mà là đối tác/đối thủ. Quan trọng hơn, thời gian trong nhiều câu thơ có chủ ý và quyền lực (quyết định số phận, rủ rê, vượt ve, sinh nở), song cũng có lúc bị thao tác (bị cắt, vá, mặc, uống). Sự chuyển đổi vị thế tác thể - bị thể này là đặc trưng nổi bật của thơ Việt Nam đương đại: cái tôi trữ tình vừa chịu sự chi phối của thời gian, vừa tìm cách tái thiết lập quyền năng trên thời gian bằng các thao tác tạo tác nghệ thuật (cắt, khâu, đơm, sửa...).

*Đồng hiện các mô hình thời tính: tuyến tính, chu kì, cơ giới, thương phẩm*

Chu kì - sinh trưởng (thực vật, mùa vụ: 10 ánh xạ) cho phép biểu đạt hồi quy, tàn - sinh, “lịch mùa” kí ức; đây là dòng mạch gắn với văn hoá nông nghiệp và mỹ cảm thiên nhiên (sen, hạ, thu...). Tuyến tính - cơ giới (chuyến tàu, bánh xe, máy móc) chuyển thời gian thành tiến trình có đích, có nhịp, gắn với cảm thức hiện đại hoá và đô thị. Thương phẩm - tài sản (tiêu nhãn ngày chủ nhật, “cắm” tuổi thanh xuân, đóng lại buổi chiều) đưa vào trường nghĩa định lượng, chi tiêu, trao đổi, phản ánh đời sống kinh tế-xã hội hậu Đổi mới, nơi thời gian được “định giá”, có thể mua, tiết kiệm, đầu tư,... Dòng chảy - chất lỏng (...) cung cấp mô hình liên tục, trôi tuột, khó nắm - hữu hiệu để ghi bắt những trạng thái “bất an thời tính” (temporal anxiety) đặc trưng của nhịp sống gấp gáp.

*Liên văn hoá - liên thời đại: kết tinh truyền thống và hiện đại*

Bên cạnh các mô típ truyền thống (nhân cách hoá thiên nhiên, mùa vụ), dữ liệu cho thấy rõ dịch chuyển hiện đại: thời gian thành tài sản và máy móc; thành thực phẩm/đồ uống của sinh hoạt đô thị; thậm chí mang độc tính hay bản (ẩn dụ phê phán). Sự song hành này tạo một khả thể đồng trú giữa mỹ học làng quê (sen, mùa) và mỹ học đô thị (giá trị - tiêu dùng - cải biến), làm nên bản sắc “lưỡng cư” của thơ Việt Nam đương đại.

*Hiệu ứng nhận thức - cảm xúc: “đặt tay sờ được thời gian”*

Việc phân bổ ánh xạ theo các cụm lớn - CON NGƯỜI (21,3%), VẬT THỂ và KHÔNG GIAN (mỗi nhóm 12,4%), THỰC VẬT (11,2%), DÒNG CHẢY và TÀI SẢN (mỗi nhóm 10,1%) chỉ ra các “bụi trung tâm” nơi thời gian trở nên hữu hình, hữu dụng hoặc hữu quan hệ. Điều này tạo ba hiệu ứng: (1) Định vị - người đọc xác định vị trí/biên giới thời gian; (2) Tương tác: người đọc “đối thoại” với thời gian như một nhân vật; (3) Thao tác: người đọc hình dung có thể chạm - cắt - vá - rót - uống thời gian, từ đó tăng cường cảm giác kiểm soát giữa bối cảnh biến động.

Sự đa dạng 12 loại ẩn dụ, 12 miền nguồn và 89 ánh xạ không chỉ mở rộng năng lực miêu tả, mà còn tái cấu trúc cách tư duy về thời gian trong thơ Việt Nam đương đại: thời gian vừa có hình - có vía, vừa có địa hình - địa vật, vừa có giá trị trao đổi, lại vừa có vòng đời sinh - tàn. Hệ thống ẩn dụ ý niệm thời gian trong thơ Việt Nam đương đại kiến tạo một cảm thức thời tính lai ghép: nhiều nhịp, nhiều tầng, nhiều vai, trùng khớp với chính trải nghiệm xã hội - văn hoá Việt Nam ngày nay. Đây là đóng góp cốt lõi của sự phong phú ẩn dụ: biến “thời gian” từ một đại lượng đo đếm thành một địa hạt sống, nơi ngôn ngữ, kí ức và chủ thể cùng tham dự, tranh biện và sáng tạo.

### 3.3.2. Biểu đạt đặc trưng tư duy thơ Việt Nam đương đại

Lakoff và Johnson (1980/2022) dùng từ LÀ trong các diễn đạt ẩn dụ (ví dụ như THỜI GIAN LÀ TÀI SẢN) và theo họ, LÀ “cần được xem như một cách viết tắt cho tập hợp một số kinh nghiệm mà ẩn dụ dựa trên đó và thông qua đó chúng ta nhận thức nó” [6, tr.40]. Nghĩa là, ánh xạ giữa miền nguồn và miền đích phải có mối tương liên, cơ sở, hay nói cách khác là có mạch lạc văn hoá. Chẳng hạn, trong ẩn dụ THỜI GIAN LÀ DÒNG CHẢY, người ta ánh xạ từ dòng nước (miền nguồn) sang thời gian (miền đích) vì cả hai đều chuyển động một chiều, không thể quay lại; hay trong ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ TÀI SẢN, ánh xạ dựa trên việc thời gian và tiền bạc đều có thể bị *mất, dành dụm, tiêu phí*,..., tức là một phép chiếu khái niệm dựa trên tính khả tính. Nhưng trong rất nhiều ánh xạ được miêu tả ở mục 3.2 có những ánh xạ rất mờ, liên tưởng phi logic như ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN VÀ VẬT THỂ trong ngữ liệu *Em cất tháng chín ra khâu/ thành những túi nhỏ đựng sàu mùa thu* (Trần Lê Khánh). Trong kinh nghiệm văn hoá, “tháng chín” (thời gian) không phải là vật thể có thể “cắt” hay “khâu” như vải. Hành động “cắt” và “khâu” thuộc về miền nguồn vật lí (may vá), nhưng được ánh xạ sang miền đích thời gian và cảm xúc một cách không logic. Không có cơ sở kinh nghiệm trực tiếp để hiểu “tháng chín” được biến thành “túi nhỏ” chứa “sàu”. Sự đứt gãy này tạo hiệu ứng siêu thực, gợi hình ảnh một người phụ nữ (em) thao túng thời gian như một chất liệu, biến nỗi buồn trừu tượng thành vật thể hữu hình (túi). Ẩn dụ này làm mờ ranh giới giữa thời gian và vật chất, cảm xúc và hành động. Nó khơi gợi cảm giác uê oải, cô đơn của mùa thu, nơi “sàu” được “đóng gói” như cách con người cố gắng kiểm soát hoặc lưu giữ cảm xúc. Sự lạ hoá này kích thích trí tưởng tượng, khiến người đọc hình dung một thế giới siêu thực nơi thời gian có thể cầm nắm, cắt may. Thêm một ví dụ khác: *Hạ hấp hối, về đen mặt đời* (Nguyễn Phúc Lộc Thành). Miền nguồn CON NGƯỜI (hấp hối) kết hợp với hành động tác động lên diện mạo thế giới (đen mặt đời). Rõ ràng, không có cầu nối tri nhận giữa cái chết của mùa hạ (THỜI GIAN) và màu sắc của “mặt đời” trong kinh nghiệm thông thường. Đây là ánh xạ “chập chờn”, đặc trưng của tư duy siêu thực: các miền tri nhận xa lạ được ghép lại chỉ bằng cảm giác trực quan hoặc ấn tượng cảm xúc.

Như vậy, tính “mờ” trong ánh xạ ẩn dụ thời gian ở thơ Việt Nam đương đại không phải hệ quả của sự thiếu logic mà là lựa chọn nghệ thuật. Tính phân mảnh làm ánh xạ không được triển khai trọn vẹn, tạo cảm giác đứt đoạn, phù hợp với thi pháp hậu hiện đại vốn phá vỡ sự liên mạch truyền thống để mở ra nhiều khả năng diễn giải. Khía cạnh hiện sinh khiến ánh xạ mờ trở thành không gian của những cảm xúc mơ hồ, bất an, vô định, gợi hành trình tìm kiếm ý nghĩa giữa những mảnh rời. Cảm hứng siêu thực kết hợp các miền tri nhận xa lạ mà không cần cầu nối lí giải rõ ràng, tạo nên một thực tại “mơ” vận hành theo logic hình ảnh và vô thức, thay cho logic thường nhật.

Ở bình diện tư duy thơ, cách triển khai (các ánh xạ) này biến thời gian thành “không gian liên tưởng tự do”, thoát khỏi hệ quy chiếu văn hoá cố định và liên kết với những miền nguồn bất ngờ như CHẤT BẨN, THỰC PHẨM hay CON SỐ. Nó buộc người đọc tham gia chủ động, tự “điền vào chỗ trống” bằng trải nghiệm cá nhân hoặc chấp nhận sự phi lí như một phần ý nghĩa. Thơ vì thế trở thành diễn đàn tái cấu trúc mạch lạc văn hoá: thay vì phản ánh một thế giới ổn định, nó thử nghiệm những mạch lạc mới, đôi khi chỉ tồn tại trong một hình ảnh hoặc bài thơ, qua đó mở rộng biên giới của ngôn ngữ và cảm thụ.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy hệ thống ẩn dụ ý niệm thời gian trong thơ Việt Nam đương đại vừa mang tính phổ quát, vừa thể hiện sự sáng tạo đặc thù của bối cảnh văn hoá và trải nghiệm cá nhân. Các mô hình quen thuộc như THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI, THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ, THỜI GIAN LÀ KHÔNG GIAN... được triển khai linh hoạt, kết hợp với những miền nguồn bất ngờ, thậm chí phi lí. Nổi bật là xu hướng phá vỡ tuyến tính, tạo “độ mờ” qua tính phân mảnh, cảm thức hiện sinh và yếu tố siêu thực, qua đó mở rộng khả năng diễn giải và kích hoạt vai trò chủ động của người đọc.

Ẩn dụ ý niệm thời gian trong thơ Việt Nam đương đại cho thấy sự tiếp biến tinh vi giữa lí thuyết tri nhận và mỹ học thơ. Ẩn dụ ý niệm thời gian trong thơ Việt Nam đương đại không chỉ phản ánh cách con người tri nhận và tổ chức kinh nghiệm về thời gian, mà còn trở thành công cụ kiến tạo thế giới nghệ thuật. Thời gian được giải phóng khỏi các hệ quy chiếu cố định, trở thành trường liên tưởng tự do, gắn với nhiều tầng nghĩa và giá trị biểu đạt mới. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần định hình bản sắc sáng tạo, đồng thời mở ra hướng tiếp cận liên văn hoá và liên thời kì cho nghiên cứu thơ ca Việt Nam.

#### NGUỒN NGŨ LIỆU

1. Mai Văn Phan. *Bầu trời không mái che*. NXB Hội Nhà văn. 2010.
2. Đỗ Doãn Phương. *hoan ca*. NXB Hội Nhà văn. 2011.
3. Đinh Thị Như Thúy. *Ngày linh hương nở sáng*. NXB Hội Nhà văn. 2011.
4. Phạm Dương. *Giờ thứ 25*. NXB Hội Nhà văn. 2012.
5. Trần Hùng. *Vườn khuya*. NXB Hội Nhà văn. 2015.
6. Trần Quang Đạo. *Bay trong mơ*. NXB Hội Nhà văn. 2019.
7. Trần Quang Quý. *Nguồn*. NXB Hội Nhà văn. 2019.
8. Trần Kim Hoa. *bên trời*. NXB Hội Nhà văn. 2020.
9. Nguyễn Bảo Chân. *Bóng của ý nghĩ*. NXB Thế giới. 2022.
10. Trần Lê Khánh. *ngàn bài thơ khác*. NXB Hội Nhà văn. 2022.
11. Nguyễn Phúc Lộc Thành. *Đồng sen tàn*. NXB Hội Nhà văn. 2023.
12. Đào Quốc Minh. *Phục sinh*. NXB Hội Nhà văn. 2024.
13. Nguyễn Tiến Thanh. *Viễn ca*. NXB Văn học. 2024.
14. Trần Lê Khánh. *đồng*. NXB Văn học. 2024.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Trần Thị Lan Anh. *Ẩn dụ ý niệm “thời gian là con người” trong thơ Lưu Quang Vũ*. Tạp chí Khoa học (Khoa học xã hội). Số 15 (5/2019). 2019.
2. Collier G. *Nghệ thuật và tâm thức sáng tạo* (Trịnh Lữ dịch). NXB Dân trí. 2019.
3. Nguyễn Hoà. *Sự tri nhận và biểu đạt thời gian trong tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ. Số 7. 2007.
4. Bùi Khương Bích Hoàn. *Từ thời gian tuyệt đối đến thời gian của ngôn ngữ*. Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống. Số 8. 2008.
5. Lakoff, G., Johnson, M. *Chúng ta sống bằng ẩn dụ* (Tạ Thành Tấn dịch). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 1980/2022.
6. Phạm Thị Hương Quỳnh. *Ẩn dụ ý niệm trong thơ Xuân Quỳnh*. NXB Khoa học xã hội. 2017.
7. Đặng Thị Hào Tâm. *Ẩn dụ ý niệm cuộc đời trong thơ miền di nhìn từ góc độ thi pháp học tri nhận*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2024.
8. Lý Toàn Thắng. *Ngôn ngữ học tri nhận, từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*. NXB Phương Đông. 2009.
9. Lý Toàn Thắng. *Một số vấn đề lí luận ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Khoa học xã hội. 2012.
10. Đào Duy Tùng, Đinh Lam Trường. *Ẩn dụ ý niệm về con người trong thơ Trần Đăng Khoa*. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ. tập 60. Số 1C (2024). 2024.

##### Tiếng nước ngoài

11. Kövecsec, Z. *Metaphor A Practical Introduction*. Oxford University Press. Printed in the United States of America. 2002.
12. Semino, E., Culpeper, J. (eds.). *Cognitive Stylistics: Language and Cognition in Text Analysis*. Amsterdam/Philadelphia: John Benjamin. 2002.